

TƯ DUY TRIẾT HỌC TRONG CÁC VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

★ PGS, TS VŨ HOÀNG CÔNG

*Viện Chính trị học,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

- **Tóm tắt:** Các văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc, trong đó cốt lõi là Báo cáo chính trị, là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, thể hiện tầm nhìn, khát vọng của Đảng và nhân dân trong phát triển đất nước, được hình thành trên nền tảng vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng vào thực tiễn Việt Nam. Để góp phần làm rõ sự vận dụng tư duy triết học duy vật biện chứng vào các văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới nói chung, của Đại hội XIII nói riêng, bài viết tập trung vào các vấn đề: Một là, phân tích mâu thuẫn, xu hướng, động lực trong sự phát triển của thế giới; Hai là, phân tích những mâu thuẫn, xu hướng, động lực trong sự phát triển của đất nước và những mâu thuẫn trong lãnh đạo, quản lý quá trình phát triển; Ba là, giải quyết hài hòa mối quan hệ khách quan và chủ quan, trước mắt và lâu dài trong mục tiêu và giải pháp phát triển.
- **Từ khóa:** CNXH, tư duy triết học, các Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Đại hội XIII của Đảng.

Các văn kiện của Đại hội Đảng, mà cốt lõi là Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội, thể hiện năng lực tư duy của Đảng, bao hàm cả tư duy chính trị, tư duy kinh tế, tư duy triết học. Thiếu tư duy chính trị thì không thể làm nên đường lối của đảng chính trị; thiếu tư duy kinh tế thì không có cơ sở khoa học để xác định mục tiêu, phương hướng, giải pháp thực tế, nhất là đối với một đảng đang cầm quyền, lãnh đạo xây dựng đất nước. Nhưng dù có tư duy chính trị,

kinh tế mà thiếu tư duy triết học thì không thể nắm bắt quy luật khách quan và do đó không có tầm nhìn xa để đề ra phương hướng, mục tiêu, giải pháp nhất quán trong lãnh đạo. Đó là ý nghĩa, vai trò của tư duy triết học đối với hoạch định đường lối, chính sách mà Đảng ta nhận thức được và coi là một yếu tố góp phần làm nên đường lối đổi mới từ năm 1986 cho đến nay. Trau dồi, mài sắc tư duy triết học và thể hiện trong các văn kiện mang tính cương lĩnh, đường lối là một yêu cầu đối với toàn

Đảng trong lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước theo định hướng XHCN.

Tư duy triết học thực chất là quá trình nhận thức mang tính khái quát, sâu sắc nhất về bản chất, quy luật của sự phát triển thế giới tự nhiên, xã hội. Trong đó, yêu cầu hàng đầu là phân tích sự vật trong những mâu thuẫn, vạch ra được sự thống nhất của các mặt đối lập bên trong sự vật và xu hướng vận động của các mặt đối lập đó.

Đại hội VI mở đầu thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã chỉ ra nhiều nguyên nhân dẫn đến những trì trệ, khó khăn của đất nước, trong đó có nguyên nhân nhận thức. Đó là “mắc bệnh duy ý chí, giản đơn hóa, muốn thực hiện nhanh chóng nhiều mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện nước ta mới ở chặng đường đầu tiên”⁽¹⁾; “Nhiều năm nay, trong nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối, lưu thông, v.v.. Đó là một nguyên nhân chậm phát triển và cụ thể hóa đường lối chung và đường lối kinh tế trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Vì vậy, phải đổi mới, *trước hết là đổi mới tư duy*, chúng ta mới có thể vượt qua khó khăn”⁽²⁾.

Đại hội VI đề ra nhiệm vụ: “Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác” và chỉ ra cách đổi mới tư duy là “muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng, tiếp thụ những thành tựu lý luận, những kinh nghiệm mới phong phú của các đảng anh em,

những kiến thức khoa học của thời đại”⁽³⁾. Như vậy, phải thực sự thấm nhuần phương pháp luận duy vật biện chứng trong nhận thức về mọi vấn đề, mọi lĩnh vực.

Yêu cầu đổi mới tư duy đã được quán triệt và được thể hiện ngày càng rõ qua các đại hội Đảng trong hơn 35 đổi mới, tiếp tục được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIII. Có thể thấy tư duy triết học được thể hiện rõ ở các nội dung sau:

1. Nhận thức rõ các mâu thuẫn, xu thế và động lực chủ yếu trong sự phát triển của thế giới ngày nay

Điều quan trọng đối với các đảng chính trị nói chung, Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng là chỉ ra được đặc điểm chủ yếu, các mâu thuẫn, xu hướng và động lực phát triển của thế giới. Đây là những vấn đề khó bởi thế giới luôn vận động trong vô vàn sự kiện; bị tác động bởi nhiều nhân tố cả khách quan và chủ quan, tự nhiên và xã hội, chính trị, kinh tế, khoa học - công nghệ, văn hóa - giáo dục; với sự tham gia của nhiều chủ thể quốc gia và quốc tế với lợi ích khác nhau. Nếu không có tư duy triết học, khó có thể thấy bản chất sâu xa, xu hướng tất yếu của thực tế luôn biến động và phức tạp đó.

Những biến động vô cùng to lớn của thế giới vào những năm cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 thế kỷ XX khi Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu sụp đổ, các nước XHCN khác gặp khó khăn nghiêm trọng, gây nên khủng hoảng nhận thức của xã hội, trong đó có không ít cán bộ, đảng viên kể cả ở cấp cao. Nhờ thấm nhuần phương pháp tư duy duy vật biện chứng, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Báo cáo chính trị được Đại hội VII của Đảng thông qua (tháng 1 - 1991) đã chỉ ra một cách sâu sắc các đặc điểm cơ bản, các mâu thuẫn lâu dài và xu hướng phát triển tất yếu của thời đại. Cương

lĩnh khảng định: dù thế giới thay đổi, song nội dung thời đại không thay đổi, đó vẫn là thời đại của xu thế hòa bình, độc lập dân tộc và CNXH. Sự phát triển của thế giới tuy quanh co, phức tạp, song theo quy luật, loài người nhất định sẽ tiến tới CNXH.

Tư duy này được khẳng định lại trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011, trong đó khái quát về đặc điểm đầy mâu thuẫn của thế giới những thập niên đầu thế kỷ XXI: “Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến sự phát triển của nhiều nước. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên và cạnh tranh quyết liệt về lợi ích kinh tế tiếp tục diễn ra phức tạp”⁽⁴⁾... “Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. *Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*”⁽⁵⁾.

Tiếp tục tư duy đó, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng dự báo tình hình và xu hướng thế giới trong những năm sắp tới với nhiều mâu thuẫn, nhiều mặt đối lập, vừa có tiến bộ, vừa có phản động; vừa có nguy hiểm, nguy cơ, thách thức vừa

có thuận lợi, thời cơ đối với các quốc gia đang phát triển. Đại hội chỉ rõ: Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn.

Cục diện thế giới tiếp tục biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm; các nước lớn vẫn hợp tác, thỏa hiệp, nhưng đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau gay gắt hơn. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng trong quan hệ quốc tế gia tăng. Các nước đang phát triển, nhất là các nước nhỏ đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới.

Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và có thể còn kéo dài do tác động của đại dịch Covid-19. Các quốc gia, nhất là các nước lớn, điều chỉnh lại chiến lược phát triển, giảm bớt sự phụ thuộc vào bên ngoài, làm thay đổi các chuỗi cung ứng. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, tranh giành thị trường, các nguồn tài nguyên, công nghệ, nhân lực chất lượng cao, thu hút đầu tư nước ngoài giữa các nước ngày càng quyết liệt, tác động mạnh đến chuỗi sản xuất và phân phối toàn cầu.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc.

Những vấn đề toàn cầu, như: bảo vệ hòa bình, an ninh con người, thiên tai, dịch bệnh, an ninh xã hội và an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường,... tiếp tục diễn biến phức tạp⁽⁶⁾.

Nhận thức như vậy có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, nhất là chính sách quốc phòng, an ninh, đối ngoại, có ảnh hưởng trực tiếp đến tạo dựng môi trường hòa bình, hợp tác phát triển của Việt Nam và phát huy sức mạnh của thời đại vào công cuộc phát triển đất nước.

2. Nhận thức về các mâu thuẫn, xu thế và động lực chủ yếu trong sự phát triển của đất nước

Trong văn kiện của các Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới cho thấy, Đảng ta luôn nhận thức rõ cả mặt thành tựu, tiến bộ và mặt hạn chế, yếu kém; những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức; những động lực và lực cản đối với sự phát triển đất nước. Theo tư duy đó, Đại hội XIII của Đảng khẳng định, thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, làm cho Việt Nam chưa bao giờ có được “cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”, mặt khác, chỉ ra hạn chế lớn nhất là đất nước vẫn nằm trong nhóm nước thu nhập trung bình thấp, chưa phải là nước công nghiệp theo hướng hiện đại (như mục tiêu đề ra tại Đại hội XI năm 2011). Trên mỗi lĩnh vực của đời sống từ kinh tế đến chính trị, từ văn hóa, giáo dục, y tế đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại... đều chứa đựng hai mặt tiến bộ và hạn chế, thành tựu và yếu kém. Trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó, có những nguyên nhân khách quan thuộc về thời đại, đất nước, đồng thời có những nguyên nhân chủ quan thuộc về sự lãnh đạo của Đảng và cả hệ thống chính trị. Trong nguyên nhân chủ quan có cả mặt tích cực, nỗ lực đáng khen

ngợi, biểu dương, có cả những hạn chế, yếu kém cần khắc phục.

Những biến đổi của thế giới, đặc biệt là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vừa tạo ra thời cơ, song cũng tạo ra những thách thức không nhỏ cho đất nước. Cùng với thời cơ do thế giới mang lại, những thành tựu trong 35 thực hiện đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước và 5 năm thực hiện đường lối của Đại hội XII, đã tạo cho đất nước những thuận lợi to lớn trong chặng đường tiếp theo. Song, Đại hội XIII cũng nêu lên bốn nguy cơ mà các Đại hội trước đã chỉ ra vẫn chưa được khắc phục. Vẫn có những trở ngại đối với sự phát triển của đất nước mà trở ngại lớn nhất chính là từ thể chế, bộ máy và cán bộ. Đó là sự công kênh, quan liêu, kém hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị; là tệ tham nhũng, lãng phí, kém năng lực, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả ở cấp cao.

Tư duy nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật như vậy là đúng đắn, vừa xây dựng niềm tin và lạc quan vào con đường phát triển đã lựa chọn, chống thái độ bi quan, tiêu cực, dao động; vừa cảnh báo, ngăn ngừa thái độ chủ quan, thậm chí là lạc quan quá mức.

Bằng tư duy triết học và qua thực tiễn đổi mới, Đảng luôn khẳng định động lực của sự phát triển đất nước là khối *đại đoàn kết toàn dân tộc* và yếu tố quyết định sự thành công của sự phát triển theo định hướng XHCN là vai trò *lãnh đạo của Đảng*. Nhưng Đảng cũng ngày càng thấy rõ, không chỉ nói tới vai trò lãnh đạo chung chung mà phải là lãnh đạo với *năng lực và phẩm chất luôn được nâng cao ngang tầm với yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới*.

Từ thực tiễn phát triển đất nước hơn 35 năm qua, Đại hội XIII tiếp tục làm rõ hơn động lực

phát triển và yếu tố quyết định sự phát triển của đất nước. Đại hội khẳng định động lực phát triển đất nước không chỉ là đại đoàn kết toàn dân tộc mà còn là *khát vọng phát triển đất nước, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại*. Đại hội XIII cũng chỉ ra yếu tố quyết định không chỉ là *năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng mà rộng hơn là của cả hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh*. Muốn có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu ngang tầm tình hình và nhiệm vụ mới, cần tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và chỉnh đốn Đảng như những năm vừa qua đã thực hiện. Những nhận thức cụ thể đó được diễn đạt trong chủ đề của Báo cáo chính trị: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁽⁷⁾.

3. Chỉ ra các mặt đối lập biện chứng cần xử lý trong sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước

Nhận thức rõ những mâu thuẫn trong hiện thực khách quan của đời sống xã hội trên nhiều mặt, từ thực tiễn lãnh đạo quá trình đổi mới, Đảng dần nhận thức rõ những mâu thuẫn ngay trong nhân tố chủ quan, cần xử lý trong hoạt động lãnh đạo, quản lý của Đảng và hệ thống chính trị. Lần đầu tiên, trong Văn kiện Đại hội X (năm 2006), Đảng đã nêu sự cần thiết phải nhận thức rõ, nắm vững và xử lý tốt 5 mối quan hệ lớn: giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới

chính trị; giữa đổi mới và ổn định; giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế⁽⁸⁾.

Theo quan điểm của Đảng, xử lý tốt nghĩa là trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, không được xem nhẹ một mặt nào của mối quan hệ, thí dụ, nếu chỉ tập trung vào tốc độ tăng trưởng mà xem nhẹ chất lượng tăng trưởng, sẽ dẫn đến tăng trưởng không bền vững. Cũng như vậy, nếu chỉ chú trọng tăng trưởng kinh tế mà xem nhẹ hoặc đời khi có tăng trưởng cao về kinh tế mới giải quyết vấn đề tiến bộ, công bằng xã hội thì sẽ nảy sinh những căng thẳng, xung đột gay gắt...

Theo tư duy đó, Đại hội XI (năm 2011) đã bổ sung thêm và khái quát thành tám mối quan hệ là: giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ⁽⁹⁾.

Đại hội XII bổ sung thêm quan hệ giữa nhà nước và thị trường thành 9 mối quan hệ là: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ⁽¹⁰⁾...

Từ những bất cập trong thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và bộc lộ rõ trong 5 năm của nhiệm kỳ Đại hội XII, Đại hội XIII của Đảng đã bổ sung thêm yếu tố *xã hội* vào quan hệ nhà nước, thị trường và xã hội; bổ sung *bảo vệ môi trường* vào quan hệ với tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; bổ sung quan hệ *giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, kỷ cương xã hội* thành mười mối quan hệ là: “giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”⁽¹¹⁾.

Từ thực tiễn lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền các cấp đã bộc lộ khuyết điểm, nhược điểm là chưa nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ này, Đại hội XIII lưu ý trong thời gian tới cần chú trọng hơn đến các mặt: “bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữ vững độc lập, tự chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân”⁽¹²⁾.

Việc phát hiện và khái quát các mối quan hệ mang tính mâu thuẫn biện chứng cần xử lý tốt trong lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng, tránh được sự lúng túng, hoặc phiến diện, một chiều, cực đoan.

4. Xử lý hài hòa mối quan hệ giữa khách quan và chủ quan, giữa khả năng và hiện thực trong mục tiêu và giải pháp phát triển

Đối với đảng cầm quyền, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là đề ra được mục tiêu chính xác. Mục tiêu phát triển là sự kết hợp giữa mong ước, tầm nhìn với khả năng và điều kiện khách quan, chủ quan. Nếu chỉ xuất phát từ mong ước mà không thấy rõ điều kiện và khả năng thì mục tiêu dù là ngắn hạn hay dài hạn cũng có thể không đạt được. Nhưng nếu không có mong ước, tầm nhìn, khát vọng thì dù có điều kiện và khả năng, cũng không thể có được bước phát triển mạnh mẽ, hơn nữa là bước nhảy vọt.

Từ năm 1991 trong bối cảnh quốc tế vô cùng phức tạp, đất nước gặp vô vàn khó khăn, trong Cương lĩnh tại Đại hội VII, Đảng ta vẫn khẳng định mục tiêu lâu dài là CNXH và đề ra mục tiêu cho chặng đường đầu tiên. Sau 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991 và các Chiến lược 10 năm (1991-2000; 2001-2010) với nhiều thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử, Đại hội XI (năm 2011) đã bổ sung, phát triển Cương lĩnh, hoàn thiện mô hình xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”⁽¹³⁾.

Với nhận thức đó, Cương lĩnh xác định Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước

ta là: “xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”; Mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI “nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁴⁾.

Mục tiêu này được Đại hội XIII làm rõ hơn “phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁵⁾.

Đại hội XIII, từ thực tiễn của đất nước và kinh nghiệm của nhiều nước, đã xác định các mục tiêu cụ thể cho các giai đoạn ngắn hơn: Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp (từ 4.700 - 5.000 USD/ người). Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao (khoảng 7.500 USD/người). Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao⁽¹⁶⁾.

Về phương hướng, giải pháp, phù hợp với 8 phương hướng được nêu trong Cương lĩnh năm 2011⁽¹⁷⁾, Đại hội XIII nêu 12 định hướng và giải pháp mang tính đồng bộ, toàn diện trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng⁽¹⁸⁾. Trong đó, tiếp tục khẳng định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt; quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên.

Đại hội XIII cũng chỉ ra 6 trọng tâm cho giai đoạn 2021-2025 và tiếp tục thực hiện 3 khâu đột phá đã được đề ra từ Đại hội XI (năm 2011) là:

- Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao;

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội.

Như vậy, đồng thời với phương hướng, giải pháp mang tính toàn diện, đồng bộ, lâu dài, việc chỉ ra các trọng tâm, trọng điểm của kế hoạch 5 năm đã thể hiện tư duy hài hòa, vừa bảo đảm sự nhất quán lâu dài, vừa bảo đảm tính thực tiễn phù hợp từng giai đoạn phát triển □

Ngày nhận bài: 12-9-2021; Ngày phản biện: 17-9-2021; Ngày duyệt đăng: 22-10-2021.

(1), (2), (3) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.47, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.361, 459, 459.

(4), (5), (9), (13), (14), (17) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.67, 69, 72-73, 70, 71, 72-73.

(6) Xem ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.105-106.

(7), (11), (12) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.57, 119, 120.

(8) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.65, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, tr.178.

(10) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.80.

(15), (16), (18) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.326, 326-327, 328-333.